

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

Môn: Tiếng Việt
Phân môn: Luyện từ và câu
Lớp: 4
Bài dạy: *Tính từ* (trang 110)

I. MỤC TIÊU:

- Giúp học sinh hiểu thế nào là tính từ.
- Học sinh lấy được ví dụ về tính từ và tìm được tính từ trong đoạn văn cho trước.
- Giáo dục học sinh ý thức sử dụng tính từ vào nói và viết sao cho đạt hiệu quả.

II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

- Giáo viên: phiếu học tập ghi sẵn nội dung câu hỏi kiểm tra bài cũ (*khi mất điện*) phiếu đánh số để học sinh bốc thăm, phiếu học tập phần nhận xét, quà thưởng cho học sinh, máy chiếu, máy tính xách tay, ...
- Học sinh: Sách giáo khoa, bút, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Các hoạt động chủ yếu của thầy

1. **Ôn định tổ chức:** *Chào, giới thiệu làm quen.*
2. **Kiểm tra bài cũ**
 - HS hát, truyền nhau hộp bí mật, bốc thăm câu hỏi, đọc và trả lời câu hỏi? Khi học sinh trả lời xong, bốc thăm phần thưởng.
 - + Thế nào là Danh từ? Lấy ví dụ về danh từ chỉ hiện tượng?
 - + Đặt câu kể về việc em thường làm ở nhà? Chỉ ra động từ trong câu em vừa đặt?
 - + Đặt câu kể về việc em thường làm ở trường? Chỉ ra động từ trong câu em vừa đặt?
 - GV nhận xét việc học bài cũ, *tuyên dương.*
3. **Bài mới**
 - 3.1. **Giới thiệu bài:** Trực tiếp
=> GV viết bảng: *Tính từ*
 - 3.2. **Bài giảng**
 - a) **Nhận xét:** Tìm hiểu truyện: *Cậu học sinh ở Ác-boa.*
 - Mời 1 HS đọc truyện và đọc yêu cầu bài 2.

Các hoạt động chủ yếu của trò

- Trưởng ban đôi ngoài
- HS thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên
- HS lắng nghe
- HS đọc tên truyện, đọc

=> **GV quan sát**, nhắc nhở nếu HS đọc chưa đúng.

+ Giới thiệu về nhà cổ kính, vườn nho.

+ Giới thiệu về nhà bác học Lu-i. Nội dung truyện kể về ngày đầu nhà bác học Lu-i Pa-xơ xin đi học.

- HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.

=> **GV viết bảng** các ý chính của bài 2.

+ Mời 3 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

=> Vậy thế nào là tính từ: *Những từ miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật gọi là Tính từ.*

=> **GV viết bảng** (vào phần **Ghi nhớ**)

- Mời HS đọc lại đoạn 2 của truyện và tìm cụm từ miêu tả bước đi của thầy Rơ-nê ?

+ Từ “nhanh nhẹn” bổ sung ý nghĩa cho từ nào ?

+ Từ nhanh nhẹn trong cụm từ trên miêu tả gì ?

=> Vậy ngoài việc miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, **tính từ còn là những từ miêu tả gì ? (miêu tả tính chất của hoạt động)**

=> **GV viết bảng** (vào phần **Ghi nhớ**)

- Từ “vui” trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho cụm từ nào ? (Nét mặt anh ấy lúc nào cũng vui.)

+ Từ “vui” miêu tả gì ?

+ Từ “vui” trong câu trên là tính từ, khác với câu sau, từ vui là động từ: **Anh ấy vui vì được điểm cao.**

=> Vậy ngoài việc miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, tính chất của hoạt động, **tính từ còn là những từ miêu tả gì ? (miêu tả tính chất của trạng thái)**

=> **GV viết bảng** (vào phần **Ghi nhớ**)

* Qua phần tìm hiểu trên, bạn nào nêu **khái niệm về Tính từ ?**

* **Đặt câu có sử dụng tính từ**, chỉ ra tính từ trong câu em vừa đặt.

b) Luyện tập:

Bài 1: (Áp dụng mô hình VNEN)

- 1 HS đọc đề bài.

=> **GV quan sát**, nhắc nhở nếu HS đọc chưa đúng.

- HS làm việc cá nhân: Đọc thầm bài tập 1 (SGK, trang 111) rồi viết bài làm vào phiếu.

- HS thảo luận trong nhóm bốn, nhóm sáu.

yêu cầu bài 2, đọc nội dung truyện

- HS quan sát, lắng nghe

- Thảo luận trong bàn

- Các nhóm báo cáo kết quả

- đi lại vẫn nhanh nhẹn

- đi lại

- tính chất của hoạt động

- Nét mặt anh ấy

- Trạng thái nét mặt của anh ấy

- HS nêu

- HS nêu ví dụ

- HS làm việc cá nhân

- Trưởng ban học tập điều hành các bạn chia sẻ kết quả thảo luận.
 - + Mỗi nhóm trả lời 3 đến 4 từ. => **GV viết bảng**
 - + Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - Trưởng ban học tập mời giáo viên cho ý kiến.
 - * Đáp án: a) *gầy gò, cao, sáng, thưa, cũ, cao, trắng, nhanh nhẹn, điềm đạm, đảm đảm, khúc chiết, rõ ràng.*
 - b) *quang, sạch bóng, xám, trắng, xanh, dài, hồng, to tướng, mỡ gà, dài, thanh mảnh.*
 - Bài 2:**
 - Gọi HS đọc đề bài.
 - + Bạn em có đặc điểm gì ?
 - + Tính tình bạn như thế nào ?
 - HS làm vào vở bài tập (trang 78) (*thời gian: 2 phút*)
 - HS đọc bài làm của mình, chỉ ra tính từ vừa sử dụng.
 - => **GV viết mỗi ý một câu.**
 - HS cùng GV nhận xét.
 - * **Trò chơi: Ô chữ bí mật** (*Nếu còn thời gian*)
 - Hướng dẫn luật chơi: *3 đội tham gia, mỗi đội được chọn 2 câu hỏi để tìm từ hàng ngang, mỗi từ hàng ngang có một chữ trong từ khóa của ô chữ. Thời gian suy nghĩ mỗi câu là 5 giây. Trả lời đúng 1 câu được 100 điểm, trả lời sai thì cơ hội dành cho 2 đội còn lại. Sau khi tìm được 2 hàng ngang có thể trả lời Ô chữ bí mật, trả lời đúng là thắng cuộc, trả lời sai mất quyền tham gia.*
 - Tổ chức: Sau khi hết giờ, HS trả lời. Bấm đáp án.
 - GV: Kết luận đội thắng cuộc.
 - + *Câu hỏi 1:* Từ gồm 5 chữ cái nghĩa là nói quá nhỏ, quá khế, nghe không rõ.
 - + *Câu hỏi 2:* Điền từ còn thiếu trong câu tục ngữ:
..... gỗ hơn nước sơn.
 - + *Câu hỏi 3:* Điền từ còn thiếu trong câu thơ:
Việt Nam đất nước ta ơi
..... biển lúa đâu trời đẹp hơn.
 - + *Câu hỏi 4:* Từ gồm 8 chữ cái, là từ còn thiếu trong câu thơ:
..... đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
 - + *Câu hỏi 5:* Tính từ trong câu "**Bà em rất hiền từ.**" là
- HS thảo luận nhóm
 - HS chia sẻ
 - HS nhận xét, bổ sung
 - HS trả lời
 - HS làm bài
 - HS đọc bài làm
 - HS lắng nghe
 - HS tham gia trò chơi
 - Lí nhí
 - Tốt
 - Mênh mông
 - Long lanh

từ nào ?

+ *Câu hỏi 6*: Từ có 7 chữ cái, có nghĩa là ngay thẳng, không tham lam, không lấy của người khác.

=> Ô chữ bí mật: TÍNH TỪ

4. **Củng cố, dặn dò.**

- GV tổng kết trò chơi, *tuyên dương cả lớp*.

- HS nhắc lại khái niệm về tính từ ?

- Xác định tính từ trong câu sau:

Khu vườn nhà bà em rất yên tĩnh.

+ “Rất yên tĩnh” có mức độ cao hơn hay thấp hơn “yên tĩnh” ?

+ Giới thiệu sang tiết học Tính từ (tiếp theo).

- Nhận xét tiết học, dặn dò.

- Hiền từ

- Thật thà

- HS lắng nghe

- HS nhắc lại

- Yên tĩnh

- Cao hơn

- HS lắng nghe